

KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN BÌNH ĐẲNG CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ LÀ MỘT GIẢI PHÁP QUAN TRỌNG ĐỂ TẠO VIỆC LÀM

PTS. NGUYỄN THUẬN
Trưởng Đại học Kinh tế TP.HCM

12 PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Sự xuất hiện và quá trình phát triển nền kinh tế hàng hóa nói chung đòi hỏi phải có hình thức sở hữu khác nhau và tương ứng với nó là các thành phần kinh tế khác nhau. Việc phát triển và đa dạng hóa các thành phần kinh tế vừa là điều kiện cần thiết vừa là sản phẩm tất yếu của nền kinh tế hàng hóa nói chung, nền kinh tế thị trường nói riêng.

Khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế không chỉ là bảo đảm các điều kiện để phát triển nền kinh tế thị trường, bảo đảm các điều kiện cạnh tranh, khuyến khích cạnh tranh, mà còn tạo ra một động lực kinh tế quan trọng thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng, khơi dậy và tận dụng mọi tiềm năng về lao động, tay nghề, đất đai, tài nguyên, vốn...

Việc khuyến khích phát triển bình đẳng các thành phần kinh tế ở VN trong những năm gần đây trở thành một bước ngoặt quan trọng đánh dấu một bước tiến trong công cuộc đổi mới nền kinh tế ở VN. Hiến pháp năm 1992 của nước CHXHCN VN nêu rõ: "Nhà nước phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước" (Điều 15), "Mục đích chính sách kinh tế của nhà nước là làm cho dân giàu, nước mạnh, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu vật chất và tinh thần của nhân dân trên cơ sở giải phóng mọi năng lực sản xuất, phát huy mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế: kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể, kinh tế tư nhân và kinh tế tư bản nhà

kinh tế được liên doanh, liên kết với cá nhân, tổ chức kinh tế trong và ngoài nước theo qui định của pháp luật" (Điều 22).

Việt Nam là một quốc gia nông nghiệp sản xuất nhỏ với nền nông nghiệp nhỏ bé, kém phát triển. Điều đó lại là một mảnh đất màu mỡ cho sự phát triển loại hình doanh nghiệp gia đình, kinh tế hộ gia đình. Mặc dù đã cố nhiều cố gắng của chính phủ nhằm áp dụng mở rộng qui mô thành phần kinh tế quốc doanh và tập thể, nhưng thành phần kinh tế tư nhân, hộ gia đình vẫn giữ một vị trí quan trọng trong nền kinh tế đất nước.

Đặc biệt là từ sau năm 1986, chính phủ chính thức thừa nhận và tạo điều kiện phát triển bình đẳng mọi thành phần kinh tế. Đại hội VI Đảng Cộng Sản VN nêu rõ cơ cấu thành phần kinh tế ở VN bao gồm: kinh tế XHCN, kinh tế cá thể, kinh tế tư bản tư nhân và kinh tế tư bản nhà nước. Từ đó, thành phần kinh tế phi nhà nước cũng có những chuyển động tích cực. Nếu năm 1986 thành phần kinh tế phi nhà nước chiếm 69,6% trong thu nhập quốc dân (NI - hệ thống MPS) thì tương tự năm 1987 là 71,9%, năm 1990 là 72%, năm cao nhất đạt đến 77% (năm 1988), và thành phần này thu hút một lượng lao động rất lớn và ngày càng tăng: Chẳng hạn năm 1986 thành phần kinh tế phi nhà nước thu hút 23.371,3 ngàn lao động chiếm 85,3% trong tổng số.

Theo điều tra mới nhất của VIE/90/007 năm 1992 - 1993 cũng có kết quả tương tự:

Biểu 15: Cơ cấu việc làm phân theo khu vực kinh tế (*)

Tự làm	Nhà nước	Tư nhân	Hỗn hợp	Khác	Tổng cộng
83,20%	6,52%	9,17%	0,12%	0,99%	100%

nước dưới mọi hình thức, thúc đẩy xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, mở rộng hợp tác kinh tế, khoa học, kỹ thuật và giao lưu với thị trường thế giới" (Điều 16) "Kinh tế cá thể, kinh tế tư bản tư nhân được chọn hình thức tổ chức kinh doanh, được thành lập doanh nghiệp không bị hạn chế về qui mô hoạt động trong những ngành nghề có lợi cho quốc kế dân sinh. Kinh tế gia đình được khuyến khích phát triển" (Điều 21) "Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với nhà nước, đều bình đẳng trước pháp luật, vốn và tài sản hợp pháp được nhà nước bảo hộ. Doanh nghiệp, thuộc mọi thành phần

Trong tổng số dân số đang làm việc trong nền kinh tế có đến 83,2% dân số tự làm việc dưới dạng kinh tế cá thể và hộ gia đình; 9,17% hoạt động trong lĩnh vực kinh tế tư nhân, chỉ có 6,52% số người hoạt động trong lĩnh vực nhà nước. Năm 1987 thu hút 23.887,3 ngàn lao động chiếm 85,4%; năm 1988 thu hút 24.870,1 ngàn lao động chiếm 87%; năm 1989 thu hút 25.238,3 ngàn lao động chiếm 87,8%; năm 1990 thu hút đến 26.873,1 ngàn lao động chiếm 88,7% trong tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế.

Như vậy, chủ trương "Thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần, không phân biệt đối xử,

không tước đoạt tài sản hợp pháp, không gò ép tập thể hóa tư liệu sản xuất, không áp đặt hình thức kinh doanh, khuyến khích các hoạt động có lợi cho quốc kế dân sinh" (1), là một chủ trương đúng đắn của Đảng và chính phủ ta nhằm khuyến khích tăng trưởng huy động mọi tiềm năng về lao động đất đai... tạo việc làm trong nền kinh tế, nhất là đối với một đất nước có tới 374.837 cơ sở ngoài quốc doanh (trong khi chỉ có 2.268 cơ sở quốc doanh) trong ngành công nghiệp và với 10.281 ngàn nông hộ.

Việc khuyến khích phát triển bình đẳng tất cả các thành phần kinh tế chính là sự kết hợp giữa quá trình phát triển kinh tế với sự xác định cơ cấu kinh tế và lựa chọn công nghệ phù hợp; là một giải pháp nhằm bảo đảm gắn mục tiêu phát triển kinh tế với vấn đề tạo việc làm một cách có hiệu quả.

Các chương trình trợ vốn từ quỹ giải quyết việc làm quốc gia và các nguồn khác; chương trình lập quỹ tín dụng nhân dân; chương trình trợ giúp kỹ thuật; công nghệ và thông tin thị trường... là những hành động cụ thể của chính phủ xuất phát từ quan điểm khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển. Riêng trong năm 1993, chương trình xúc tiến việc làm quốc gia đã có 15.746 dự án với tổng số vốn cho vay là 220.666 triệu đồng, giải quyết được 238.489 lao động. Như vậy, trung bình 1 triệu đồng vốn vay từ chương trình xúc tiến việc làm tạo ra được 1,08 việc làm mới.

Ngoài chương trình xúc tiến việc làm quốc gia, các địa phương các tổ chức cần thực hiện chương trình giải quyết việc làm theo dự án nhỏ theo như tinh thần của Nghị quyết 120/HĐBT ngày 11.4.1992: "Giải quyết việc làm là trách nhiệm của nhà nước, của các ngành các cấp, các tổ chức xã hội và của mỗi người lao động. Nhà nước tạo điều kiện cần thiết thông qua cơ chế chính sách, luật pháp và hỗ trợ một phần về tài chính để khuyến khích các tổ chức, đơn vị kinh tế và người lao động ở mọi thành phần kinh tế tự giải quyết việc làm và tạo việc làm mới".

Trong năm 1993, có đến 5.765 dự án nhỏ về giải quyết việc làm tại các địa phương trong đó tập trung chủ yếu ở ngành nông lâm ngư nghiệp là 4.895 dự án với số vốn được vay là 170.248 triệu đồng tạo được 198.974 chỗ làm việc, cứ trung bình 1 triệu đồng vốn vay từ chương trình dự án nhỏ sẽ tạo được 1,16 chỗ làm việc trong ngành nông lâm ngư nghiệp; phần còn lại 870 dự án thuộc ngành tiểu thủ công nghiệp với số vốn vay là 50.526 triệu đồng tạo được 40.415 chỗ làm mới, trung bình sử dụng 1 triệu đồng vốn vay từ chương trình dự

án nhỏ tạo được 0,8 chỗ làm việc trong ngành tiểu thủ công nghiệp. Bình quân trong năm 1993 chương trình dự án nhỏ đã cho vay 220.770 triệu đồng tạo ra được 238.489 chỗ làm việc mới, trung bình sử dụng 1 triệu đồng vốn cho vay từ dự án nhỏ tạo ra được 1,08 chỗ làm việc mới trong nền kinh tế.

Không chỉ sử dụng vốn ngân sách để tạo việc làm, chính phủ còn sử dụng các nguồn vốn quốc tế từ các quan hệ hợp tác hoặc các tổ chức quốc tế. Cụ thể như, tính đến ngày 2.8.1994 tình hình cho vay vốn tài trợ tạo việc làm từ SẾC và SLOVAKIA bao gồm 37 dự án được vay vốn tạo việc làm với tổng số vốn là 259.417,61 triệu đồng tạo được 23.759 chỗ làm. Trong năm 1993, chương trình cho vay vốn giải quyết việc làm theo chương trình Việt - Đức đã duyệt được 505 dự án với tổng số tiền cho vay là 7.731 triệu đồng thu hút được 6.112 lao động...

Ở nước ta, trong những năm vừa qua mặc dù có chủ trương khuyến khích phát triển bình đẳng mọi thành phần kinh tế nhưng việc phát triển các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh còn chưa tương xứng với tiềm năng phát triển cũng như chưa khai thác triệt để mọi nguồn lực. Nhằm duy trì tối đa tăng trưởng cao đồng thời với việc tạo ngày càng nhiều việc làm trong nền kinh tế. Trên quan điểm phát triển bình đẳng các thành phần kinh tế, theo chúng tôi trong thời gian sắp tới cần thiết phải thực hiện một số biện pháp sau:

- Cải cách sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước theo hướng hiệu quả và có sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế; hạn chế bao cấp và bù lỗ tràn lan tiến tới thu hẹp tối đa số doanh nghiệp cần phải được bao cấp và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Tuy nhiên, quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước cần phải thỏa mãn một số vấn đề sau:

+ Đa dạng hóa quyền sở hữu, cụ thể hóa chủ sở hữu (chủ trương tạo điều kiện cho người lao động được làm chủ doanh nghiệp) nhằm nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp.

+ Luật pháp hóa và kinh tế hóa các hoạt động của doanh nghiệp về tổ chức cũng như về các hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Khuyến khích kinh tế tư nhân, cá thể và hộ gia đình tự do phát triển theo luật định, trong các lĩnh vực mà chính phủ cho phép. Chính phủ có chính sách giúp đỡ đầu tư đúng đắn, bảo hộ về quyền sở hữu tài sản ■

(1) Chiến lược ổn định và phát triển KT - XH đến năm 2000, NXB Sự thật, 1991, trang 14

